

KẾ HOẠCH

**Về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp
đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Nghị quyết số 617-NQ/BCSD, ngày 28/12/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030;

Để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xây dựng Kế hoạch tổ chức, thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích

Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đáp ứng thị trường lao động trong tỉnh, ngoài tỉnh, trong nước, ngoài nước, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

2. Yêu cầu

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cần chú trọng cả quy mô, cơ cấu và chất lượng đào tạo. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, đa dạng, linh hoạt với nhiều phương thức và trình độ đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của người lao động.

Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với nhu cầu thị trường lao động, với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt quan tâm đến giải quyết việc làm sau đào tạo.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng tuyển sinh, chất lượng đào tạo và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp. Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo nghề nghiệp, nhất là đào tạo chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành; bảo đảm đáp ứng nhân lực qua đào tạo cho thị

trường lao động; góp phần nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về số lượng, cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo giáo dục nghề nghiệp:

a) Về số lượng tuyển sinh đào tạo:

- Giai đoạn 2019 - 2020: đào tạo cho 71.860 lao động.
- Giai đoạn 2021 - 2025: đào tạo cho 201.603 lao động.
- Giai đoạn 2026 - 2030: đào tạo cho 249.899 lao động.

b) Về ngành nghề đào tạo:

- Dịch vụ và du lịch, gồm các nghề: Hướng dẫn du lịch; Quản trị lữ hành; Điều hành tour du lịch; Nghiệp vụ bán hàng; Nghiệp vụ lễ tân; Nghiệp vụ lưu trú; Kỹ thuật chế biến món ăn; Kỹ thuật pha chế đồ uống; Kỹ thuật làm bánh; Chăm sóc sắc đẹp;...

- Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng, gồm các nghề: Bê tông; Cốt pha - giàn giáo, Cốt thép - hàn; Cấp thoát nước; Nê - Hoàn thiện; Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; Thiết kế đồ họa; Trang trí nội thất;...

- Công nghệ kỹ thuật cơ khí, gồm các nghề: Cắt gọt kim loại; Gò; Hàn; Sửa chữa máy nông nghiệp; Công nghệ ô tô; Sửa chữa máy nâng chuyên;...

- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, gồm các nghề: Điện dân dụng; Điện công nghiệp; Vận hành điện trong nhà máy điện; Cơ điện nông thôn; Cơ điện tử; Điện tử dân dụng, công nghiệp;...

- Công nghệ hóa học, vật liệu, gồm các nghề: Công nghệ sơn tĩnh điện; Công nghệ sơn ô tô; Xử lý nước thải công nghiệp;...

- Công nghệ sản xuất, gồm các nghề: Sản xuất các chất vô cơ; Sản xuất các chất phân bón; Chế biến mùn cao su; Sản xuất gạch không nung;...

- Nông lâm nghiệp, thủy sản, gồm các nghề: Lâm sinh; Làm vườn; Cây cảnh; Nuôi trồng thủy sản; Thú y; Trồng rau, hoa công nghệ cao; Chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghệ cao theo hướng VietGap; Bảo vệ thực vật trên cây trồng; Chăn nuôi đại gia súc theo hướng hàng hóa;...

- Công nghệ chế biến, gồm các nghề: Cà phê; Ca cao; Cao su; Đồ gỗ gia dụng;...

c) Mở rộng quy mô đào tạo:

Phân đầu đến năm 2021, quy mô tuyển sinh các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 37.850 người/năm, ít nhất có 80% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; đến năm 2025 đạt 42.980 người/năm, ít nhất có 85% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo; đến năm 2030 đạt 55.370 người/năm, ít nhất có 90% người học có việc làm hoặc có năng suất, thu nhập cao hơn sau đào tạo.

2.2. Tự chủ về kinh phí:

- Đối với trường Cao đẳng công lập: đến năm 2021, tự chủ 50% kinh phí chi thường xuyên, đến năm 2025, tự chủ 70% kinh phí bao gồm cả chi lương, chi thường xuyên.

- Đối với trường Trung cấp công lập: đến năm 2021, tự chủ 50% kinh phí chi thường xuyên, đến năm 2025, tự chủ 70% kinh phí bao gồm cả chi lương, chi thường xuyên.

- Đối với các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập: Đến năm 2025, tự chủ 50% kinh phí chi thường xuyên, đến năm 2030, tự chủ 70% kinh phí bao gồm cả chi lương, chi thường xuyên.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thông tin và truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy, các sở, ban ngành và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh về ý nghĩa, tầm quan trọng của đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với việc phát triển nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc, xây dựng kế hoạch thực hiện thiết thực, hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, của Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục nghề nghiệp.

Các cơ quan thông tin truyền thông đổi mới nội dung, hình thức, cơ chế phối hợp để có sự thống nhất và đạt hiệu quả trong hoạt động thông tin truyền thông. Tổ chức thực hiện các chuyên đề, phóng sự tuyên truyền về tính thiết thực, hiệu quả của công tác giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nhân lực có tay nghề cao thực hiện theo Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư và Chương trình số 42-CTr/TU của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm nhiều việc làm mới, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống người lao động, qua đó giúp người lao động nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo nghề, tích cực tham gia học nghề.

2. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, bảo đảm quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo (đa ngành, chuyên ngành), vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng.

Sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp yếu kém, hoạt động không hiệu quả, không đủ năng lực triển khai tự chủ; từng bước sáp nhập trường trung cấp công lập vào trường cao đẳng; đồng thời hợp tác chặt chẽ giữa các trường cao đẳng, trung cấp, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp để tổ chức đào tạo theo hướng tránh chồng chéo, phát huy được thế mạnh của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia) và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành, các nhóm đối tượng đặc thù. Khuyến khích thành lập mới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của doanh nghiệp và có vốn đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh phân luồng, thu hút học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học nghề.

3. Tăng cường gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững

Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu làm việc và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu thị trường lao động.

Xây dựng các cơ chế, chính sách, khuyến khích nhằm thu hút các doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Phát huy vai trò của các đơn vị sử dụng lao động, người sử dụng lao động, hiệp hội nghề nghiệp trong đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Hình thành mối quan hệ chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm nhằm hỗ trợ người học tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc đào tạo nghề, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần dành thời lượng (chính khóa hoặc ngoại khóa) phù hợp để trang bị thêm kiến thức, kỹ năng “mềm” cho người học như: kỹ năng lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kỹ năng quản trị

kinh doanh, quản lý tài chính, cách thức và kỹ năng tìm kiếm việc làm, ... Chú trọng phát triển tinh thần khởi nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp.

4. Đẩy mạnh tự chủ của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn với trách nhiệm giải trình, cơ chế đánh giá độc lập, sự kiểm soát của nhà nước, giám sát của xã hội

Thực hiện tự chủ một phần, tiến tới tự chủ toàn diện; chuyển đổi hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, hạch toán như doanh nghiệp; kiên quyết chuyển sang cơ chế tự bảo đảm hoàn toàn về tài chính, tổ chức nhân sự và thực hiện nhiệm vụ đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đào tạo những ngành, nghề có khả năng xã hội hóa cao trên cơ sở Nhà nước thực hiện lộ trình bảo đảm kinh phí hoạt động có thời hạn. Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ đi đôi với trách nhiệm giải trình, tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước và xã hội đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng, đánh giá chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, người dạy tại các doanh nghiệp; triển khai các chương trình chuyên gia quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động đào tạo, quản trị nhà trường; đẩy mạnh dạy và học ngoại ngữ trong giáo dục nghề nghiệp.

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường chất lượng cao, trường được lựa chọn đầu tư nghề trọng điểm; hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin - truyền thông, phương tiện và thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đổi mới chương trình đào tạo theo hướng năng lực thực hiện; đẩy mạnh đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ; tiếp tục thí điểm đào tạo cho sinh viên của các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế theo chương trình chuyển giao và cấp bằng của nước ngoài; đồng thời thí điểm triển khai chương trình đào tạo liên thông chất lượng cao từ trung cấp lên cao đẳng đối với đối tượng tốt nghiệp trung học cơ sở. Đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động.

6. Hệ thống chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; thúc đẩy xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp

Nghiên cứu và ban hành các chính sách, quy định (đặc thù) phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xây dựng chương trình mục tiêu, đề án đổi mới giáo dục nghề nghiệp, gắn với đào tạo và đào tạo lại nhằm đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; chính sách cho người học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chính sách cho doanh nghiệp khi tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

Tiếp tục thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng chỉ tiêu đào tạo nghề nghiệp từ ngân sách Nhà nước. Tạo mối quan hệ giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hướng tới đào tạo theo nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động; doanh nghiệp trực tiếp hợp đồng đào tạo với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, kinh phí đào tạo do doanh nghiệp và người học đóng góp, ngân sách tập trung ưu tiên hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc diện chính sách theo quy định chung của Nhà nước.

Mở rộng quy mô đào tạo theo hướng xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực cho công tác giáo dục nghề nghiệp trong đó Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Liên kết và sử dụng năng lực của các trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp... trên địa bàn toàn tỉnh cho mục tiêu chung nâng cao năng lực, chất lượng và hiệu quả của công tác đào tạo nghề.

Chuyển mạnh đào tạo giáo dục nghề nghiệp từ đào tạo theo năng lực sẵn có của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp sang đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động và xã hội; gắn đào tạo giáo dục nghề nghiệp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của từng lĩnh vực, của từng địa phương, của các doanh nghiệp và với nhu cầu việc làm của người lao động.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các chương trình, đề án, dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp đã được phê duyệt; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyển hướng đào tạo từ cung theo năng lực sẵn có sang đáp ứng cầu của thị trường lao động.

Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nghiên cứu, rà soát tham mưu cho tỉnh ban hành các chính sách, quy định (đặc thù) khuyến khích phát triển giáo dục nghề nghiệp.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể có liên quan

Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai nguồn lực cho Chương trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đến năm 2021, định hướng đến năm 2030.

Các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ để đề xuất thực hiện kế hoạch này; hàng năm, 05 năm tổng hợp nhu cầu sử dụng lao động nói chung, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề nói riêng, nhu cầu đào tạo nghề cho người lao động thuộc lĩnh vực phụ trách gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, xây dựng kế hoạch giáo dục nghề nghiệp chung của tỉnh và chỉ đạo, tổ chức quá trình thực hiện đạt hiệu quả cao.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm tốt công tác phân luồng, định hướng cho học sinh tốt nghiệp THCS và THPT vào học nghề. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để các cấp, các ngành và toàn xã hội nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của việc phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học nghề; đồng thời giúp các bậc cha, mẹ học sinh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học nghề, đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội.

Ngân hàng chính sách xã hội chủ trì giải ngân vay vốn giải quyết việc làm, nhất là đối với những lao động sau khi đào tạo có nhu cầu vay vốn để phát triển kinh tế.

Các cơ quan, báo đài và các tổ chức chính trị xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến đông đảo quần chúng nhân dân về định hướng giáo dục nghề nghiệp của tỉnh đến năm 2021, định hướng đến năm 2030.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp của huyện, thị xã, thành phố đến năm 2021, định hướng đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để tổ chức thực hiện; quan tâm bố trí kinh phí, nhân lực cho phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp.

Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân của địa phương về chế độ, chính sách liên quan đến công tác giáo dục nghề nghiệp; lập sổ cung, cầu lao động, nắm chắc nhu cầu học nghề của lao động. Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác đào tạo nghề nghiệp.

4. Trách nhiệm của các Trường, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm dịch vụ việc làm

Tiếp tục đổi mới phương pháp đào tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao năng lực giáo dục nghề nghiệp, nhằm hướng đến đào tạo nguồn lao động có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và ngoài nước. Trung tâm dịch vụ việc làm phối hợp chặt chẽ với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để cung cấp thông tin về thị trường lao động, tích cực cung ứng lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học viên, học sinh, sinh viên đang theo học nghề và đã tốt nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện. /3/

Nơi nhận: *đ*

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Bộ LĐTBXH);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Chủ tịch, PCT;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Báo Đắk Lắk; Đài PT-TH tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- CVP, PCVP;
- Lưu: VT, KGVX.(T.100)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



H' Yim Kđoh